

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	YDS004639	HUỖNH NHÂN HÒA	1	16.75	1
2	HUI011790	TRẦN CHÂU GIA PHÚ	1	14.75	0
3	HUI013768	HÀ DUY TÂN	1	14.25	0.5
4	DBL008015	LƯU ANH THẮNG	1	14	0.5
5	SPK014795	NGUYỄN THÀNH TRUNG	1	13.25	0.5
6	TTN000147	CHÂU NGUYỄN ANH	1	12.5	1.5
7	YDS002175	ĐẶNG NGUYỄN TỬ DUY	1	12.25	0
8	SGD004017	LÊ VŨ HIỆP	2	13	1.5
9	DTT013223	LÊ CÔNG THIÊN	2	12.25	0.5
10	HUI009395	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG NAM	2	12	1
11	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	3	14.75	0
12	SPD004189	TRẦN DUY KHÁNH	3	11.25	1
13	DQN001496	PHẠM VĂN CHI	4	12.25	1.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	SGD003779	LÊ ĐỖ KHẮC HẬU	1	16	0

2	DTT008654	NGUYỄN ĐẶNG KIM NGỌC	1	16	1
3	DTT004680	TRẦN LÊ HỮU HỘI	1	15.5	0.5
4	QGS020858	TRẦN LÊ THIÊN TRIỀU	1	14.5	0
5	HUI012768	NGUYỄN THANH QUÝ	1	14.5	0.5
6	HUI014727	MAI QUỐC THẮNG	1	14.25	0.5
7	SPK001106	ĐỖ THÀNH CHÂU	1	14	0
8	YDS005074	CHÂU MINH HÙNG	1	14	0
9	YDS013950	LÊ NGUYỄN MINH THÔNG	1	13.75	0
10	SPK007359	NGUYỄN LÊ TRUNG MINH	1	13.75	0
11	DCT003013	HUỲNH HỒ HẢI	1	13.75	0
12	HUI005307	ĐỖ MINH HOÀNG	1	13.75	2.5
13	DTT013243	NGUYỄN MINH THIỆN	1	13	0.5
14	DBL000657	ĐẶNG HUYỀN CHĂM	1	12.5	1.5
15	SGD015786	TRẦN VĂN TRIỂN	1	12.5	1.5
16	QGS003526	NGUYỄN HỮU DƯƠNG	1	12.5	0
17	DTT014730	NGUYỄN BẢO TOÀN	1	12.5	1
18	SPK016129	NGUYỄN HỮU VŨ	1	12	0
19	SGD009639	NGUYỄN KHẮC NHU	1	11.75	0
20	QGS016226	BÙI TẤN TÀI	1	11.75	0
21	TDL003308	NGUYỄN HẢI GIANG	1	11.5	1.5
22	TDL016758	BÙI HUỲNH QUỐC TUẤN	1	11	1.5
23	TSN015443	HUỲNH NGỌC THỊNH	1	10.5	1.5
24	DQN024251	NGUYỄN THẾ TOÀN	1	10.5	1.5
25	YDS005284	NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY	2	16.5	0
26	SPS008564	VÕ MINH KHANG	2	15.75	1
27	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	2	13.75	0

28	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	2	11.5	0.5
29	DTT003993	NGUYỄN VĂN HIỀN	3	14.75	1.5
30	DQN021658	HÀ ĐỨC THỊNH	3	13.25	1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	TTG015557	DƯƠNG QUỐC THÁI	1	18.75	0.5
2	DHU002084	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	1	15.5	1
3	SGD012859	KHUÛU NGỌC HOÀNG THÀNH	1	15.25	0
4	HUI011965	TRẦN XUÂN PHÚC	1	14.25	0
5	HUI013203	HỒ PHÚ SĨ	1	13.75	0.5
6	HUI013763	ĐÀO DUY TÂN	1	13.5	0
7	HUI013840	PHẠM MINH TẤN	1	13	0.5
8	DQN004147	PHẠM VĂN ĐẠT	1	13	1
9	DQN011572	VÕ TUẤN LINH	1	13	1.5
10	DCT000756	NGUYỄN QUỐC BẢO	1	12.5	1
11	DQN001496	PHẠM VĂN CHI	1	12.25	1.5
12	SPS002494	NGÔ MẠNH CƯỜNG	2	15	0
13	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	2	14.75	0
14	DVT000426	TRẦN THỂ BẢO	2	14.5	1.5
15	HUI013768	HÀ DUY TÂN	2	14.25	0.5
16	YDS003657	TÂN TRÍ HẢI	2	12.75	1

17	DTT012539	MAI VĂN THÀNH	2	11.5	1.5
18	SPD004189	TRẦN DUY KHÁNH	2	11.25	1
19	DTT004668	LÊ VĂN HÒE	2	10.25	1.5
20	DTT013223	LÊ CÔNG THIỆN	3	12.25	0.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	HUI017899	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	1	16.25	0
2	SPS008564	VÕ MINH KHANG	1	15.75	1
3	QGS018059	TĂNG HOÀNG THIỆN	1	15.75	0
4	SGD003519	HARUNASÊT	1	15.5	1
5	SPK000593	VÕ LÊ QUỐC ANH	1	15.5	0
6	TTG001112	TRẦN THANH BÌNH	1	14.75	1
7	YDS008031	NGUYỄN HOÀNG MINH	1	14.75	0
8	QGS010187	NGUYỄN ĐĂNG LUÂN	1	14.25	0
9	SPK005995	NGUYỄN ĐÀO CAO KỲ	1	14	1.5
10	DHU017659	THÂN NGỌC PHƯỚC	1	14	1
11	SGD008025	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	1	13.75	0
12	TTN016585	LÊ TRƯƠNG ĐỨC TÀI	1	13.75	1.5
13	DQN021658	HÀ ĐỨC THỊNH	1	13.25	1
14	TTG016638	NGUYỄN HUỲNH THI	1	13	1
15	TAG016808	LÊ HỮU TỈNH	1	13	0.5

16	HUI017788	NGUYỄN THÀNH TRUNG	1	12.75	0.5
17	TTG000342	ĐỖ HOÀNG ANH	1	12.75	1
18	TDL005676	NGUYỄN QUỐC HUY	1	12.75	1.5
19	HUI014239	PHẠM VĂN THÀNH	1	12.25	0.5
20	SPS023191	NGUYỄN MINH TRÍ	1	12.25	0.5
21	TDL017256	VŨ ĐỨC TƯ	1	12	1.5
22	TAG000695	NGUYỄN TRẦN BẢO ÂN	1	12	1
23	SPD008489	HỒ NGUYỄN NHỰT QUANG	1	11.75	1
24	DCT002587	LÊ PHƯỚC ĐÔNG	1	11.5	0.5
25	DQN012112	ĐỒNG HỮU LUẬN	1	11	1
26	HUI011784	PHẠM NGỌC PHÚ	2	17.5	0.5
27	DTT004680	TRẦN LÊ HỮU HỘI	2	15.5	0.5
28	HUI005307	ĐỖ MINH HOÀNG	2	15.25	2.5
29	YDS010455	DIỆP ĐƯƠNG PHÁT	2	14.75	1
30	DTT003993	NGUYỄN VĂN HIỀN	2	14.75	1.5
31	HUI002869	NGUYỄN THANH DƯƠNG	2	14.5	0.5
32	SPK001948	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	2	14	0
33	SPK004517	TRẦN MINH HOÀNG	2	13.75	0
34	HUI008518	BÙI THƯỢNG LƯU	2	13.5	0.5
35	TDL004196	LÊ CÔNG HẬU	2	13	1.5
36	DQN009943	TRƯƠNG DUY KHƯƠNG	2	13	1.5
37	DQN016923	HỒ ĐỨC PHÚ	2	13	0.5
38	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	2	12.25	0.5
39	TDL003308	NGUYỄN HẢI GIANG	2	11.5	1.5
40	DQN019790	PHÙNG VĂN TÂM	2	11.5	1
41	SPK001106	ĐỖ THÀNH CHÂU	3	14	0

42	SPK002597	TRẦN TIẾN ĐẠT	4	14.75	0
43	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	4	13.75	0
44	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	4	11.5	0.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	SPS010711	NGUYỄN PHAN KIM LONG	1	18	0
2	HUI008156	LÊ HOÀNG LONG	1	16.25	0.5
3	SGD010174	VÕ VĂN OAY	1	15	0
4	SPS002494	NGÔ MẠNH CƯỜNG	1	15	0
5	DTT004154	HUỖNH NGỌC HIẾU	1	14.5	1
6	SPK000841	PHAN QUỐC BẢO	1	13.5	0
7	HUI015874	TRẦN TRỌNG THỨC	1	13.5	0
8	QGS017696	CAO VIẾT THẮNG	1	13	0
9	QGS008996	NGUYỄN PHÚC QUANG LÂM	1	13	0
10	SGD004017	LÊ VŨ HIỆP	1	13	1.5
11	DTT003798	NGÔ VĂN HẬU	1	13	1
12	TAG018772	MÃ THANH TÙNG	1	13	0.5
13	YDS003657	TÂN TRÍ HẢI	1	12.75	1
14	HUI011683	PHAN THANH PHONG	1	12.5	0.5
15	SPD006653	LÊ PHẠM THANH NHÃ	1	12.25	1
16	HUI009395	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG NAM	1	12	1
17	DTT006202	PHẠM NGỌC LAI	1	11.5	1.5

18	SPD004189	TRẦN DUY KHÁNH	1	11.25	1
19	NLS001116	NGUYỄN CÔNG	1	10.5	1.5
20	DTT004668	LÊ VĂN HÒE	1	10.25	1.5
21	TTG015557	DƯƠNG QUỐC THÁI	2	18.75	0.5
22	DHU002084	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	2	15.5	1
23	SGD012859	KHUU NGOC HOANG THANH	2	15.25	0
24	DQN001496	PHẠM VĂN CHI	2	12.25	1.5
25	DTT004902	TRẦN THẾ HÙNG	3	14.75	0.5
26	DVT000426	TRẦN THẾ BẢO	3	14.5	1.5
27	DQN004147	PHẠM VĂN ĐẠT	3	13	1
28	DTT012539	MAI VĂN THÀNH	3	11.5	1.5
29	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	4	14.75	0

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	HUI011784	PHẠM NGỌC PHÚ	1	17.5	0.5
2	QGS019663	NGUYỄN VIỆT TIẾN	1	16.75	0
3	YDS005284	NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY	1	16.5	0
4	DCT009826	TRẦN MINH QUÂN	1	16	0.5
5	HUI001723	LÊ ANH CÔNG	1	15.75	1.5
6	SGD001004	NGUYỄN HỮU CẢNH	1	15.5	0
7	YDS010348	PHAN DUY NINH	1	15.25	0
8	SPK004517	TRẦN MINH HOÀNG	1	15.25	0

9	DVT000344	NGUYỄN CHUNG THIÊN ÂN	1	15	1
10	SPK002597	TRẦN TIẾN ĐẠT	1	14.75	0
11	HUI004817	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	1	14.5	0.5
12	HUI002869	NGUYỄN THANH DƯƠNG	1	14.5	0.5
13	SPK013593	TRẦN QUỐC TIẾN	1	14.25	0
14	SGD017573	NGÔ NĂNG VÕ	1	14	1
15	SPK001948	LÊ NGUYỄN KHÁNH DUY	1	14	0
16	HUI016490	TRẦN MINH TOÀN	1	14	0
17	NLS000577	TRƯƠNG QUỐC BẢO	1	13.75	1.5
18	DVT002629	LÊ MINH HÙNG	1	13.75	1
19	SGD017587	ĐỖ HOÀN VŨ	1	13.5	0
20	HUI008518	BÙI THƯỢNG LƯU	1	13.5	0.5
21	DTT002560	TRẦN TIẾN ĐẠT	1	13.25	0.5
22	DCT014688	NGUYỄN HOÀNG TƯỜNG	1	13.25	1.5
23	HUI008960	NGUYỄN VĂN MINH	1	13.25	0
24	TAG003936	NGÔ HỒNG HẠNH	1	13.25	1
25	TDL004196	LÊ CÔNG HẬU	1	13	1.5
26	QGS022009	PHẠM THANH TUẤN	1	13	0
27	DQN017887	NGUYỄN XUÂN QUANG	1	13	1
28	DQN009943	TRƯƠNG DUY KHƯƠNG	1	13	1.5
29	DCT011972	NGUYỄN THANH THỦ	1	13	1
30	DQN016923	HỒ ĐỨC PHÚ	1	13	0.5
31	HUI017272	TRẦN ĐỨC TRÍ	1	12.75	0
32	DQN021070	HUỲNH ĐÌNH THẮNG	1	12.75	0.5
33	SPD000777	NGUYỄN BẢO CHÂU	1	12.5	1
34	TDL010964	VUU THIÊN PHÚ	1	12.5	0.5

35	HUI018771	TRẦN PHỦ DƯƠNG TƯỜNG	1	12.5	0.5
36	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	1	12.25	0.5
37	DCT013483	PHẠM CAO TRÍ	1	12.25	1.5
38	TDL010940	NGUYỄN NGỌC PHÚ	1	12.25	1.5
39	QGS015986	ĐỖ KHÁNH SƠN	1	12	0
40	DTT004152	HUỖNH LÊ TRUNG HIẾU	1	11.75	0.5
41	DQN023881	CAO TRUNG TÍN	1	11	1.5
42	HUI010569	ĐOÀN CÔNG NHẬT	1	10.75	1.5
43	TTN016585	LÊ TRƯỞNG ĐỨC TÀI	2	13.75	1.5
44	DQN012088	NGUYỄN VĂN LUÂN	2	13.75	1.5
45	DQN021658	HÀ ĐỨC THỊNH	2	13.25	1
46	QGS010763	NGÔ LÊ MINH	2	13	0
47	TAG016808	LÊ HỮU TỈNH	2	13	0.5
48	DTT002271	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	2	13	1.5
49	DTT002616	HUỖNH MINH ĐIỀN	2	11.25	1.5
50	TDL016758	BÙI HUỖNH QUỐC TUẤN	2	11	1.5
51	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	3	13.75	0
52	DQN010260	ĐỖ QUỐC KỲ	3	13.5	1.5
53	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	3	11.5	0.5
54	TDL003308	NGUYỄN HẢI GIANG	3	11.5	1.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHỆT

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	HUI013139	TẠ THANH SANG	1	15.5	1.5
2	DQN026691	NGUYỄN ANH TUẤN	1	11.75	0.5
3	DTT004902	TRẦN THẾ HÙNG	2	14.75	0.5
4	DQN004147	PHẠM VĂN ĐẠT	2	13	1
5	THP007403	VŨ XUÂN KHANG	2	12.25	1
6	DVT000426	TRẦN THẾ BẢO	4	14.5	1.5
7	DTT012539	MAI VĂN THÀNH	4	11.5	1.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHỆT

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	HUI015199	LÊ MINH THÔNG	1	14.5	0
2	DCT003720	MAI TRỌNG HIẾU	1	14.25	0
3	YDS000348	NGÔ THẾ ANH	1	13.75	0
4	DQN012088	NGUYỄN VĂN LUÂN	1	13.75	1.5
5	DQN010260	ĐỖ QUỐC KỶ	1	13.5	1.5
6	QGS009680	TRẦN NHẬT LINH	1	13	0
7	SPS019207	ĐẶNG VĂN THÀNH	1	12	0

8	DQN020030	NGUYỄN DIỄN THẠCH	1	11.25	1
9	SPK002597	TRẦN TIẾN ĐẠT	2	14.75	0
10	NLS000577	TRƯƠNG QUỐC BẢO	2	13.75	1.5
11	DQN017887	NGUYỄN XUÂN QUANG	2	13	1
12	DQN012112	ĐỒNG HỮU LUẬN	2	11	1
13	TTN016585	LÊ TRƯƠNG ĐỨC TÀI	3	13.75	1.5
14	TAG016808	LÊ HỮU TỈNH	3	13	0.5
15	DTT002271	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	3	13	1.5
16	DQN016923	HỒ ĐỨC PHÚ	3	13	0.5
17	DTT002616	HUỲNH MINH ĐIỀN	3	11.25	1.5
18	TDL016758	BÙI HUỲNH QUỐC TUẤN	3	11	1.5
19	DQN021658	HÀ ĐỨC THỊNH	4	13.25	1

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	QGS016254	HÀ SONG TÀI	1	20.75	0
2	SPS010611	ĐỖ NGỌC LONG	1	14.75	0
3	SPK002266	LÊ THÁI DƯƠNG	1	14.75	0
4	DTT004902	TRẦN THẾ HÙNG	1	14.75	0.5
5	DVT000426	TRẦN THẾ BẢO	1	14.5	1.5
6	TAG007109	NGUYỄN SỸ LIÊM	1	13.75	1
7	DCT006678	LÂM TUẤN MINH	1	13.25	1

8	SGD012534	LƯU BÌNH TÂY	1	12.5	1
9	TDL014089	NGUYỄN ĐÌNH THOẠI	1	12.5	1.5
10	SPK004464	NGUYỄN THANH HOÀNG	1	12.5	1.5
11	THP007403	VŨ XUÂN KHANG	1	12.25	1
12	DTT013223	LÊ CÔNG THIỆN	1	12.25	0.5
13	SGD014715	TRẦN CẢNH TIỀN	1	11.5	1
14	TSN017692	NGUYỄN CÔNG TRẠNG	1	11.5	1.5
15	DTT012539	MAI VĂN THÀNH	1	11.5	1.5
16	TTN002925	NGUYỄN BÁ DUY	1	11.25	1.5
17	DTT013497	NGUYỄN ĐÌNH THỐNG	1	11	1
18	HUI013763	ĐÀO DUY TÂN	2	13.5	0
19	HUI013840	PHẠM MINH TẤN	2	13	0.5
20	TTG015557	DƯƠNG QUỐC THÁI	3	18.75	0.5
21	DHU002084	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	3	15.5	1
22	SGD012859	KHUU NGỌC HOÀNG THÀNH	3	15.25	0
23	SPS002494	NGÔ MẠNH CƯỜNG	3	15	0
24	HUI013768	HÀ DUY TÂN	3	14.25	0.5
25	SGD004017	LÊ VŨ HIỆP	3	13	1.5
26	DQN001496	PHẠM VĂN CHI	3	12.25	1.5
27	DTT004668	LÊ VĂN HÒE	3	10.25	1.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	SPS010686	NGUYỄN HOÀNG LONG	1	10.5	1.5
2	DTT002616	HUỖNH MINH ĐIỀN	1	11.25	1.5
3	DCT012762	ĐẶNG TRUNG TÍN	1	11.5	0.5
4	DQN019790	PHÙNG VĂN TÂM	1	11.5	1
5	TDL006239	NGUYỄN TRỌNG HỮU	1	11.75	1.5
6	HUI013176	VÕ PHƯỚC SANG	1	12.25	0.5
7	TDV011919	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	1	12.75	1
8	HUI000019	ĐỖ LÊ HOÀI AN	1	12.75	0
9	QGS010763	NGÔ LÊ MINH	1	13	0
10	DTT002271	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	1	13	1.5
11	TDL011141	PHẠM HỮU PHƯỚC	1	13.5	1.5
12	YDS010455	DIỆP ĐƯƠNG PHÁT	1	14.75	1
13	DTT003993	NGUYỄN VĂN HIỀN	1	14.75	1.5
14	SPK003396	TỪ CHÍ HÀO	1	15.5	1
15	SPK015938	TỪ CHÍ VĨ	1	16	1
16	DCT002587	LÊ PHƯỚC ĐÔNG	2	11.5	0.5
17	TDL017256	VŨ ĐỨC TƯ	2	12	1.5
18	DTT014730	NGUYỄN BẢO TOÀN	2	12.5	1
19	DQN010260	ĐỖ QUỐC KỶ	2	13.5	1.5
20	DCT003013	HUỖNH HỒ HẢI	2	13.75	0

21	SPK001106	ĐỖ THÀNH CHÂU	2	14	0
22	YDS005074	CHÂU MINH HÙNG	2	14	0
23	DHU017659	THÂN NGỌC PHƯỚC	2	14	1
24	HUI001723	LÊ ANH CÔNG	2	15.75	1.5
25	DQN012112	ĐỒNG HỮU LUẬN	3	11	1
26	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	3	12.25	0.5
27	TDL004196	LÊ CÔNG HẬU	3	13	1.5
28	HUI002869	NGUYỄN THANH DƯƠNG	3	14.5	0.5
29	SPK002597	TRẦN TIẾN ĐẠT	3	14.75	0
30	SPS008564	VÔ MINH KHANG	3	15.75	1
31	YDS005284	NGUYỄN THÁI HOÀNG HUY	3	16.5	0

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ MAY

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Vật lý, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	DTT005522	VÔ THỊ THU HƯƠNG	1	13	1
2	DTT000430	TRƯƠNG NAM VIỆT ANH	1	12	1.5
3	SGD014715	TRẦN CẢNH TIỀN	2	11.5	1
4	HUI013768	HÀ DUY TÂN	4	14.25	0.5

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH CÔNG NGHỆ MAY

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ

(Cập nhật đến ngày 19 tháng 8 năm 2015)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Thứ tự nguyện vọng mà thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên
1	SPK006486	NGUYỄN THỊ THUỶ LINH	1	16.25	0
2	DQN011693	PHẠM THỊ ÁI LOAN	1	15	1
2	QGS014973	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	1	12.5	0
3	DVT008997	HUỖNH THỊ HUẾ TRÂN	1	11.5	1.5
4	DQN012088	NGUYỄN VĂN LUÂN	3	13.75	1.5
5	TTN016585	LÊ TRƯỞNG ĐỨC TÀI	4	13.75	1.5
6	HUI004684	NGUYỄN MINH HIỀN	4	12.25	0.5